

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PÁC NẶM  
TỈNH BẮC KẠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 05/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 02/7/2024

V/v tranh chấp: "Không công nhận  
quan hệ vợ chồng"

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PÁC NẶM, TỈNH BẮC KẠN

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tiến Đại

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Văn Tùng

2. Bà Chu Thị Thi

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Triệu Giang – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Pác Nặm tham gia phiên tòa: Ông Vi Văn Luận - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 7 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Pác Nặm xét xử công khai vụ án thụ lý số: 21/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2024 về tranh chấp: "Không công nhận quan hệ vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 04/QĐST-HNGĐ ngày 25/6/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Triệu Mùi V**, sinh năm 1982. Có đơn xin vắng mặt.

Bị đơn: Anh **Hoàng Thông S**, sinh năm 1979. Vắng mặt ( lần hai)

Cùng địa chỉ: Thôn B, xã N, huyện P, tỉnh Bắc Kạn.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Triệu M Viện trình bày:

- Về quan hệ vợ chồng: Chị và anh Hoàng Thông S xây dựng gia đình từ năm năm 2000, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau khi chung sống với nhau thời gian đầu hòa thuận, hạnh phúc. Sau phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, không hòa hợp về cuộc sống, Anh S1 thường xuyên uống rượu, không chăm lo cho gia đình, luôn chửi bới, đe dọa, khủng bố tinh thần chị. Hiện

nay chị và anh S1 đã không còn chung sống với nhau. Chị xác định không còn tình cảm với anh S1, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, vì vậy đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ giữa chị và anh Hoàng Thông S là vợ chồng.

- **Về con chung:** Chị và anh S có hai con chung tên Hoàng Mùi K, sinh ngày 27/11/2004 và Hoàng Chàn S2, sinh ngày 01/10/2002. Các con chung khỏe mạnh, phát triển bình thường. Hiện nay các con chung đã đủ tuổi trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về tài sản chung, nợ chung:**

+ Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Không có.

\* *Tại biên bản xác minh ngày 06/5/2024 đối với cán bộ tư pháp xã N, Công an xã N và Trưởng thôn B, xã N, huyện P đã thể hiện:* Chị V và anh S chung sống với nhau từ năm 2000 nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống chị V và anh S có nhiều mâu thuẫn, chính quyền thôn đã phải đến nhà giải quyết, năm 2023 anh chị đã sống ly thân. Hiện nay anh S không có mặt ở địa phương, anh S đi làm thuê ở Hà Nội nhưng không báo cho chính quyền địa phương biết, thi thoảng anh S vẫn về nhà nhưng không cho ai biết địa chỉ cụ thể đang ở đâu.

\* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tiến hành triệu tập và niêm yết hợp lệ các văn bản như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh S đều vắng mặt không có lý do nên không tiến hành hòa giải được và phải hoãn phiên tòa lần một.

\* *Tại phiên tòa:*

- Nguyên đơn chị Triệu M Viện có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu theo đơn khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ giữa chị và anh Hoàng Thông S là vợ chồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Pác Nặm tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của pháp luật; nguyên đơn chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành đúng các quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục giải quyết vụ án theo luật định.

+ Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí buộc nguyên đơn phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi Hội đồng xét xử thảo luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng*: Chị Triệu Mùi V có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn giải quyết không công nhận quan hệ giữa chị và anh Hoàng Thông S là vợ chồng. Theo quy định tại khoản 8 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn.

Sau khi thụ lý vụ án xác định chị V đã cung cấp đúng, đầy đủ địa chỉ của anh S, Tòa án đã tiến hành xác minh và kết quả xác định anh S vẫn sinh sống và thường trú tại thôn Bản Nà, xã N, huyện P, tỉnh Bắc Kạn. Khi Tòa án đến làm việc và giao các văn bản tố tụng cho anh S thì anh S đều không ở nhà. Tòa án đã lập biên bản về việc vắng mặt của anh S và niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án anh S không có ý kiến gì. Nguyên đơn chị Triệu M Viện có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải. Do vậy căn cứ vào Khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án này thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Hoàng Thông S3 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, niêm yết hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và không có yêu cầu phản tố. Nguyên đơn chị Triệu Mùi V có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các bên đương sự là đúng theo quy định của pháp luật.

[2] *Về nội dung vụ án*: Xét yêu cầu chị Triệu M Viện xét thấy:

2.1. *Về quan hệ hôn nhân*: Theo lời khai của chị V và biên bản xác minh tại địa phương xác định chị V và anh S3 về chung sống với nhau từ năm 2000, anh chị không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật là vi phạm quy định tại Điều 11, 12 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và Điều 8, 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Theo khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định nam nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Nay chị V yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ giữa chị và anh Hoàng Thông S là vợ chồng, căn cứ vào khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị V và anh S là phù hợp với quy định của pháp luật.

2.2. *Về con chung*: Chị V và anh S có 02 con chung tên: Hoàng Mùi K, sinh ngày 27/11/2004 và Hoàng Chàn S2, sinh ngày 01/10/2002. Các con chung khỏe mạnh, phát triển bình thường. Hiện nay các con chung đã đủ tuổi trưởng thành, chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

2.3. *Về tài sản chung*: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

2.4. *Về nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3] *Về án phí sơ thẩm*: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; buộc chị Triệu M Viện phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Xét đề nghị nêu trên của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Pác Nặm là phù hợp với nhận định của HĐXX nên ghi nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 147, 227, 228, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điểm c mục 3 của Nghị quyết 35/2000/NQ-QH 10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội. Các điều 8, 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 và Điều 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Triệu M Viện về việc “Không công nhận quan hệ vợ chồng”.

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận chị Triệu M Viện và anh Hoàng Thông S là vợ chồng.

2. Về con chung: Không xem xét giải quyết

3. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Triệu M Viện phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước, số tiền này được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị V đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0003031 ngày 10 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Pác Nặm. Chị V đã nộp đủ án phí.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Chị Triệu Mùi V và anh Hoàng Thông S có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bắc Kạn (01b);
- VKSND tỉnh Bắc Kạn (01b);
- VKSND huyện Pác Nặm (01b);
- Chi cục THA DS h Pác Nặm  
(Án có hiệu lực - 01b);
- Các đương sự (02b);
- UBND xã Nghiên Loan (01b);
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Phạm Tiến Đại**